

Số: 124/QĐ – THPTHC

Đống Đa, ngày 5 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai cam kết chất lượng giáo dục; thông tin về cơ sở vật chất;
thông tin về đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên năm học 2024 -2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT HOÀNG CẦU

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định 1106/QĐ – UBND ngày 09/03/2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển, đổi tên trường THPT bán công Đống Đa thuộc UBND quận Đống Đa thành trường THPT Hoàng Cầu trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;

Căn cứ vào tình hình thực tế về chất lượng giáo dục, về cơ sở vật chất, về cán bộ quản lý, đội ngũ nhà giáo, nhân viên năm 2024 -2025 của trường THPT Hoàng Cầu

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục; thông tin về cơ sở vật chất; thông tin về đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên năm học 2024 -2025

(kèm theo biểu mẫu số 09, biểu mẫu số 11; biểu mẫu số 12)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Hội đồng sư phạm trường THPT Hoàng Cầu và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP.



Biểu mẫu 09

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀNG CẦU

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học
2024 - 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo quy định của Sở GD&ĐT	HL xếp loại từ Trung bình, HK từ Khá trở lên	HL xếp loại từ Trung bình, HK từ Khá trở lên
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo chương trình chuẩn, có chuyên đề nâng cao ở một số môn học.		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp giữa nhà trường và gia đình: chặt chẽ từ hai phía, luôn duy trì mối quan hệ hai chiều. Cùng gia đình quản lý học sinh thông qua điện thoại, số liên lạc điện tử hoặc mời gặp trực tiếp. - Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: Thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Nhà trường chú trọng tới các hoạt động ngoài giờ lên lớp; giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp; GD kỹ năng sống tổ chức các hoạt động giáo dục quy mô lớp, quy mô trường qua đó học sinh được phát huy năng lực, nâng cao các kỹ năng của bản thân, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống. - Hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp: tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp quy mô trường, chủ đề bám sát chương trình. Tập trung vào việc cung cấp thông tin, các định hướng phát triển kinh tế xã hội, lao động, các trường ĐH, CĐ, TC, nghề.. để HS có thêm nhiều cơ hội lựa chọn phù hợp khả năng - Tổ chức các hoạt động ngoại khoá, tham quan bổ ích trên cơ sở bám sát nhiệm vụ năm học. - Tổ chức, tham gia tích cực các hoạt động VHTT của Sở và Quận thông qua hình thức các câu lạc bộ.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Đạt và vượt chỉ tiêu chung của Sở		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Lên lớp	Lên lớp	Học tập tại các trường ĐH, CĐ, TCCN

H.M., ngày ..5.. tháng ..3.. năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
ThS. Lưu Thị Lập

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀNG CẦU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1270	517	432	321	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1225 96.46	503 97.29	402 93.06	320 99.69	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	45 3.54	14 2.71	30 6.94	1 0.31	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	1270	517	432	321	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	490 38.58	156 30.17	148 34.26	186 57.94	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	739 58.19	330 63.83	274 63.43	135 42.6	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	40 3.15	30 5.8	10 2.31		
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.18	1 0.19			
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1270	517	432	321	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1270	517	432	321	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	484 38.11	153 29.59	145 33.56	186 57.94	

b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	745 58.66	333 64.41	277 64.12	135 42.06	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.18	1 0.19			
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	13/13 1.02/1.02	0/1 0/0.19	11/8 2.6/1.86	2/4 0.62/1.25	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	5 0.39	3 0.56	2 0.47		
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	321			321	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	321			321	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	252 78.5			252 78.5	
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	669/613	271/260	234/196	164/157	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	14	4	6	4	

HIV., ngày .6... tháng 02. năm 2023.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

ThS. Lưu Thị Lập

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀNG CẦU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	25	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	25	-
1	Phòng học kiên cố	25	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn		-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	40	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	2470.8	6.41m2
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1200	
VI	Tổng diện tích các phòng	1412	
1	Diện tích phòng học (m ²)		
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	213.5	
3	Diện tích thư viện (m ²)	106	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	30	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	3	
1.2	Khối lớp 11	2	
1.3	Khối lớp 12	2	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		

2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	84	Số học sinh/bộ 15,2
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	0.06
2	Cát xét	5	0.17
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	0.03
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	24	0.7
5	Thiết bị khác...		
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	0.06
2	Cát xét	5	0.17
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	0.03
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	24	0.7
5	Thiết bị khác...	18	0.6
..			

O T
 RƯ
 UNG
 SỞ T
 H
 ĐẢNG
 S ★

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

H.V., ngày 6... tháng 02... năm 2023.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

ThS. Lưu Thị Lập



Biểu mẫu 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀNG CẦU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng g số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	81		29	41	1	2	8	17	4		13	8		
I	Giáo viên	65		26	39				17	1		11	7		
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	11		3	8				3			3			
2	Lý	3		2	1				1	1		1	1		
3	Hóa	4		4	0				1				1		
4	Sinh	3		2	1				1			1			
5	GDCD	4		1	3				1				1		
6	GDQP	2		1	1				1				1		
7	KTCN	3		2	1				1			1			
8	Ngữ văn	11		2	9				2			2			
9	Lịch sử	4		2	2				1				1		
10	Địa lý	3		2	1				1			1			
11	Ngoại ngữ (Anh)	10		3	7				2			2			
12	Tin học	5		2	3				1				1		
13	Thể dục	2			2				1				1		
II	Cán bộ quản lý	3		3						3	2		1		
1	Hiệu trưởng	1		1						1	1				
2	Phó hiệu trưởng	2		2						2	1		1		
III	Nhân viên	13			2	1	2	8							
1	Nhân viên văn thư	1					1								



STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	81		29	41	1	2	8	17	4		13	8		
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1			1										
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1									
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Nhân viên khác:	8						8							

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

